

Số: 722/NQ-PVCFC

Cà Mau, ngày 24 tháng 04 năm 2019

NGHI QUYẾT

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Biên bản họp số: 02/BB-ĐHĐCĐ-2019 và kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau thông qua các nội dung tại cuộc họp thường niên ngày 24/04/2019,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các báo cáo, tờ trình với các nội dung cụ thể như sau:

- 1.1. Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2017	Năm 2018		Tỷ lệ so sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện		
A	B	C	1	2	3	4=3/2	5=3/1
I	CÁC CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG						
1	Sản lượng sản xuất						
-	Đạm Cà Mau (Urê quy đổi)	Nghìn tấn	851,08	751,09	812,61	108%	95%
2	Sản lượng tiêu thụ						
-	Đạm Cà Mau (Urê quy đổi)	Nghìn tấn	864,50	751,09	767,90	102%	89%
-	Tự doanh (bao gồm N.Humate+TE của PPC)		72,12	110	166,69	152%	231%
II	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY (HỢP NHẤT)						
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.920	5.496	6.880	125%	116%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	679,33	684,62	706,20	103%	104%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	641,38	649,83	659,06	101%	103%
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	86,18	57,81	151,08	261%	175%
III	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ						
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.915	5.473	6.879	126%	116%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	676,16	683,19	696,88	102%	103%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	639,44	649,17	650,40	100%	102%
4	Tỷ suất LNTT/VĐL	Tỷ đồng	13%	13%	13%	102%	103%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2017	Năm 2018		Tỷ lệ so sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện		
5	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	161,95	735,68	453,19	62%	280%
6	Nộp NSNN	Tỷ đồng	79,76	50,84	144,52	284%	181%

1.2. Thông qua các chỉ tiêu chính của kế hoạch SXKD năm 2019:

a) Chỉ tiêu sản lượng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
1	Sản lượng sản xuất		
1	Sản lượng sản xuất		
1.1	Đạm Cà Mau (Urê quy đổi)	Nghìn tấn	775
-	N46.Plus	Nghìn tấn	25
1.2	NPK	Nghìn tấn	80
2	Sản lượng kinh doanh		
2.1	Đạm Cà Mau (Urê)	Nghìn tấn	731
2.2	N46.Plus	Nghìn tấn	25
2.3	NPK	Nghìn tấn	60
2.4	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	185

b) Kế hoạch tài chính.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
I	Chỉ tiêu tài chính (Công ty hợp nhất)		
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6.940,6
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	255,7
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	240,6
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	55,42
II	Chỉ tiêu tài chính (Công ty mẹ)		
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	6.184
-	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	5.294
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6.928,1
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	254,6
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	240,2
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn CSHBQ	%	4,0%
6	Nộp NSNN	Tỷ đồng	45,91
7	Đầu tư XD CB và MS TTB		
7.1	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	407
-	Đầu tư XD CB và Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	407
-	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	-
7.2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	407
-	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	163,6
-	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	243,4

- 1.3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị.
- 1.4. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát.
- 1.5. Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2019:
 - Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH PwC (Việt Nam) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
- 1.6. Thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung.
- 1.7. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- 1.8. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận lũy kế năm 2018.
Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận lũy kế năm 2018 như sau:

STT	Khoản mục	Giá trị (tỷ đồng)
I	LNST lũy kế năm 2018	766,48
1	LNST chưa phân phối năm 2017 chuyển sang năm 2018	116,08
2	LNST năm 2018	650,40
II	Phân phối LNST lũy kế năm 2018	620,59
1	Trích Quỹ Đầu tư phát triển (12% Lợi nhuận sau thuế)	78,45
2	Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	65,39
	Trong đó: - Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi người lao động	63,64
	- Quỹ Thưởng người quản lý	1,75
3	Bổ sung quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động (*)	0,28
4	Chia cổ tức (09% VDL tương đương 900 đồng/cổ phiếu)(**)	476,46

(*) 20% LNST phân vượt Kế hoạch đã được thông qua;

(**) Vốn điều lệ năm 2018: 5.294 tỷ đồng

Giao cho HĐQT Công ty thực hiện thủ tục chi trả cổ tức năm 2018 theo phương án nêu trên theo quy định.

- 1.9. Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019:

STT	Khoản mục	Giá trị (tỷ đồng)
I	LNST lũy kế năm 2019 theo kế hoạch	386,09
1	LNST chưa phân phối năm 2018 chuyển sang năm 2019	145,89
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo kế hoạch	240,20
II	Phân phối LNST lũy kế năm 2019 theo kế hoạch	296,94
1	Quỹ Đầu tư phát triển (8% Lợi nhuận sau thuế)(i)	19,22
2	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (u)	65,96
3	Bổ sung quỹ Khen thưởng, phúc lợi (v)	20% phần lợi nhuận

		vượt kế hoạch
4	Chia cổ tức (04% VDL tương đương 400 đồng/cổ phiếu)(w)	211,76

(i): Quỹ đầu tư phát triển

: 8 % Lợi nhuận sau thuế

(u): Quỹ Khen thưởng, phúc lợi

: 65,96 tỷ đồng

Trong đó:

+ Quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động : 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động (tạm tính 64,53 tỷ đồng)

+ Quỹ Thưởng của người quản lý Công ty : 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý Công ty chuyên trách (tạm tính 1,43 tỷ đồng)

(v): Bổ sung quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động: 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, nhưng tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động

(w): Vốn điều lệ năm 2019: 5.294 tỷ đồng.

Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế năm 2019. Giao Hội đồng Quản trị Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo quy định pháp luật.

Việc thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 quyết định.

1.10. Thông qua Báo cáo tiền lương, tiền thưởng, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018:

- Thực hiện năm 2018: **9.889,65** triệu đồng.

1.11. Thông qua Kế hoạch tiền lương, tiền thưởng, thù lao và các lợi ích khác năm 2019 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

a. Quỹ tiền lương, tiền thưởng, thù lao kế hoạch năm 2019 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tạm tính như sau:

- Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS : **6.218,3** triệu đồng.

- Quỹ tiền thưởng của HĐQT và BKS : **840,78** triệu đồng.

- Tổng cộng : **7059.08** triệu đồng.

b. Phân phối tiền lương, tiền thưởng và thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

Việc phân phối quỹ tiền lương, tiền thưởng và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng và thù lao của Ban quản lý, điều hành do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

c. Cơ chế xác định Quỹ tiền lương, tiền thưởng và thù lao thực hiện năm 2019:

Quỹ tiền lương thực hiện:

- Quỹ tiền lương thực hiện được xác định trên cơ sở số người Ban quản lý, điều hành chuyên trách thực tế (tính bình quân theo tháng) và mức tiền lương bình quân thực hiện.

- Mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định trên cơ sở mức tiền lương bình quân kế hoạch gắn với mức độ thực hiện các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh cụ thể như sau:

+ Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định bằng mức tiền lương bình quân kế hoạch.

+ Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 01% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm 02%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch.

Quỹ tiền thưởng thực hiện:

- Khi lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch thì quỹ tiền thưởng của Ban quản lý, điều hành tương đương 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Ban quản lý, điều hành chuyên trách.

- Khi lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì quỹ tiền thưởng của Ban quản lý, điều hành tương đương 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Ban quản lý, điều hành chuyên trách.

1.12. Thông qua Quy chế quản trị nội bộ Công ty sửa đổi.

1.13. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau đối với Bà Trần Thị Bình.

1.14. Miễn nhiệm tư cách kiểm soát viên đối với ông Nguyễn Thanh Hào.

1.15. Thông qua nhiệm kỳ của các thành viên HĐQT/BKS công ty như sau:

Nhiệm kỳ của từng thành viên HĐQT và Kiểm soát viên đương nhiệm là 5 năm và được xác định bắt đầu từ ngày thành viên đó được ĐHCĐ bầu. Những văn bản quy định về nhiệm kỳ của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên trước đây trái với nội dung này đều bãi bỏ.

Cụ thể: Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT như sau:

UVHĐQT Trần Mỹ có nhiệm kỳ 05 năm từ 2015-2020,

UVHĐQT Trần Chí Nguyên có nhiệm kỳ 05 năm từ 2015-2020,

UVHĐQT Văn Tiến Thanh có nhiệm kỳ 05 năm từ 2018-2023,

UVHĐQT Trần Ngọc Nguyên có nhiệm kỳ 05 năm từ 2019-2024.

Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát như sau:

Kiểm soát viên Phan Thị Cẩm Hương có nhiệm kỳ 05 năm từ 2015-2020,

Kiểm soát viên Đỗ Minh Đường có nhiệm kỳ 05 năm từ 2016-2021.

1.16. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị /BKS Công ty:

- Bà Nguyễn Minh Phượng - trúng cử và trở thành Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty có nhiệm kỳ 05 năm từ 2019-2024.
- Ông Nguyễn Quốc Huy trúng cử và trở thành Kiểm soát viên (kiêm nhiệm) của công ty có nhiệm kỳ 05 năm từ 2019-2024.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh một cách linh hoạt các nội dung tại mục 1.2, 1.8, 1.11 Điều này cho phù hợp tình hình thực tế kinh doanh.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 24/04/2019.

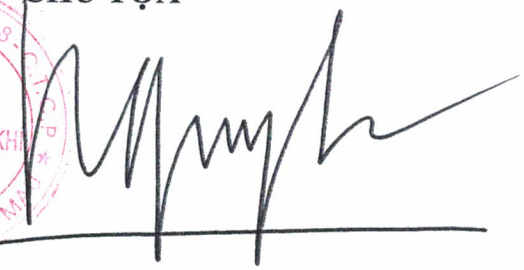
Điều 3. Tất cả các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Trưởng các ban, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**




Trần Ngọc Nguyên